

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 04-3-2025  
V/v không công nhận quan hệ  
vợ chồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, HẢI PHÒNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhuận

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Văn Thôn

Ông Nguyễn Văn Thắng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D, trú tại: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Văn L, trú tại: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2024 và các bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày:*

Chị Bùi Thị D và anh Phạm Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh L chung sống với nhau tại Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống ngay từ những năm đầu vợ chồng chị sống không hạnh phúc nguyên nhân do anh L chơi bời, không tu chí gia đình, sống không có tình cảm với chị, nhiều lần anh L đánh chị. Anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng mâu thuẫn chị quyết định đi làm xa và có trách nhiệm gửi tiền về nuôi các con. Chị và anh L chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, chị đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị D trình bày chị và anh L có 02 con chung là Phạm Thu H, sinh ngày 21 tháng 4 năm 1999 và Phạm Minh H, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2000, hiện đều đã trên 18 tuổi nên vấn đề nuôi dưỡng Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn L đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến tòa án nên không có lời khai của anh Phạm Văn L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Bùi Thị D đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Phạm Văn L không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Bùi Thị D và anh Phạm Văn L là vợ chồng; về con chung: Chị D và anh L có 02 con chung là Phạm Thu H, sinh ngày 21 tháng 4 năm 1999 và Phạm Minh H, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2000, hiện đều đã trên 18 tuổi nên vấn đề nuôi dưỡng Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Bùi Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Bùi Thị D đề nghị giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh Phạm Văn L. Bị đơn anh Phạm Văn L có nơi cư trú tại Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thụ lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Bùi Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị D và anh Phạm Văn L.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Phạm Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 tại Thôn L, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống Chị D và anh L xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, mất sự tin tưởng nhau về tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Căn cứ vào tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện An Lão, cán bộ tư pháp cung cấp tại sổ đăng ký kết hôn gốc lưu giữ từ năm 1991 đến nay không thể hiện có tên anh Phạm Văn L và chị Bùi Thị D. Do vậy, xác định chị Bùi Thị D và anh Phạm Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay Chị D đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh Phạm Văn L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 11; Điều 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị D và anh Phạm Văn L.

[4] Về con chung: Chị D và anh L có 02 con chung là Phạm Thu H, sinh ngày 21 tháng 4 năm 1999 và Phạm Minh H, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2000, đều đã

trên 18 tuổi vấn đề nuôi dưỡng Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 và Điều 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị D và anh Phạm Văn L.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị D phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị D đã nộp là 300.000đ đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007486 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Chị Bùi Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Bùi Thị D và anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhạn**